

Số: 152/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về phân cấp, phân quyền
trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các nội dung phân quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 81, khoản 7 Điều 83, khoản 2 Điều 85, khoản 3 Điều 96 của Luật Thi đua, khen thưởng; quy định các nội dung phân cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 7 Điều 84, khoản 5 Điều 90, khoản 9 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 5 Điều 11; khoản 4 Điều 25; khoản 1 Điều 29; khoản 7 Điều 34; khoản 6 Điều 35; khoản 5 Điều 36; khoản 5 Điều 37; khoản 5 Điều 38; khoản 4 Điều 39; khoản 4 Điều 40; khoản 4 Điều 41; khoản 7 Điều 42; khoản 7 Điều 43; khoản 7 Điều 44; khoản 3 Điều 45; khoản 3 Điều 46; khoản 3 Điều 47; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 53; điểm c và điểm d khoản 2 Điều 73; khoản 5 Điều 79; khoản 3 Điều 82; khoản 7 Điều 84; khoản 5 Điều 90; khoản 9 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cá nhân người Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh

tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước gồm: Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.
2. Các danh hiệu thi đua cấp Nhà nước gồm: “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.
3. Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà cá nhân, tập thể phải đảm nhiệm hoặc được giao.
4. Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, thể thao và các lĩnh vực khác ở trong nước hoặc khu vực, thế giới.
5. Tổ chức kinh tế khác là tổ chức kinh tế được đăng ký thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, có hoạt động sản xuất kinh doanh với mục đích phát triển kinh tế; có điều lệ, cơ cấu tổ chức rõ ràng, địa chỉ cụ thể, có tài sản để hoạt động; có tư cách pháp nhân.

Điều 4. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn.
2. Cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ theo quy định.
3. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề không dùng làm căn cứ để đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng.
4. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật.

Hết thời gian cơ quan có thẩm quyền có kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc văn bản đã xác minh làm rõ cá nhân, tập thể không có sai phạm hoặc không có dấu hiệu vi phạm thì cấp có thẩm quyền thực hiện việc khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định.

5. Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

6. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

7. Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến đối với cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung. Trường hợp cá nhân nữ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian để xét khen thưởng quá trình công hiến thực hiện theo quy định chung.

Chương II **PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN** **TRONG LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 5. Nguyên tắc phân cấp, phân quyền

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân cấp, phân quyền của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; thống nhất trong hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo hoặc mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật khi thực hiện phân cấp, phân quyền.

2. Bảo đảm phân cấp tối đa để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương, bảo đảm thẩm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ về thi đua, khen thưởng và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của bộ, ban, ngành, tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và phân định rõ thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định trong quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng để nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước và thực hiện công tác khen thưởng trong tình hình mới.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 6. Phân cấp, phân quyền cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng phân quyền Thủ tướng Chính phủ thực hiện gồm:

a) Quy định chi tiết mẫu, màu sắc, số sao, số vạch cho từng loại, hạng huân chương, huy chương, huy hiệu của danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, kỷ niệm chương; chất liệu, kích thước khung các loại huân chương, huy chương, bằng, cờ, giấy khen của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo khoản 2 Điều 12 của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Quy định chi tiết thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước theo khoản 2 Điều 12 của Luật Thi đua, khen thưởng;

c) Quy định chi tiết trách nhiệm của cá nhân, tổ chức Việt Nam khi nhận hình thức khen thưởng của cá nhân, tổ chức nước ngoài theo khoản 2 Điều 14 của Luật Thi đua, khen thưởng;

d) Quy định việc xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác theo khoản 3 Điều 81 của Luật Thi đua, khen thưởng;

đ) Quy định chi tiết về thẩm quyền đề nghị, trình khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác theo khoản 7 Điều 83 của Luật Thi đua, khen thưởng;

e) Quy định chi tiết khen thưởng theo thủ tục đơn giản theo khoản 2 Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng;

g) Quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” theo khoản 3 Điều 96 của Luật Thi đua, khen thưởng;

h) Hướng dẫn việc thực hiện khoản 1 và khoản 2 Điều 96 theo quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện gồm:

a) Quy định chi tiết thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh theo khoản 2 Điều 12 của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Quy định hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh theo khoản 7 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng gồm: Cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh; Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng”; xã, phường, đặc khu tiêu biểu; Bằng khen, Kỷ niệm chương theo khoản 7 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng;

c) Quy định hồ sơ thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh theo khoản 7 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng gồm: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, “Gia đình văn hóa” và Giấy khen theo khoản 7 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng;

d) Quy định việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc quyền quản lý theo khoản 7 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng;

đ) Quy định chi tiết tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh theo khoản 5 Điều 90 của Luật Thi đua, khen thưởng;

e) Quy định chi tiết tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh theo khoản 5 Điều 90 của Luật Thi đua, khen thưởng;

g) Quy định chi tiết thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh theo khoản 9 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng;

h) Quy định chi tiết thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh theo khoản 9 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA; ĐÓI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Mục 1

DANH HIỆU CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ; DANH HIỆU XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU TIÊU BIỂU

Điều 7. “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Thi đua, khen thưởng, được cụm, khối thi đua (do bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức) đánh giá, so sánh, bình xét, suy tôn là tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua.

Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” theo quy định tại khoản này không quá 20% tổng số tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua và đạt tiêu chuẩn tặng cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh.

2. Tập thể được xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Luật Thi đua, khen thưởng đạt các tiêu chuẩn:

- a) Có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh;
- b) Thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh;
- c) Thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng.

Tập thể quy định tại khoản 2 Điều này được cụm, khối thi đua (do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức) đánh giá, so sánh, bình xét, suy tôn là tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Thi đua, khen thưởng đạt tiêu chuẩn:

a) Đối với cấp bộ: Tham mưu với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xây dựng thể chế, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới nội dung và hình thức tổ chức phong trào thi đua, các cuộc vận động để huy động sự tham gia tích cực của đoàn viên, hội viên;

b) Đối với cấp tỉnh: Đạt nhiều thành tích nổi trội trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự xã hội; có mô hình mới, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao; là đơn vị tiêu biểu xuất sắc so với các tỉnh trong cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

Tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này được bộ, ban, ngành, tỉnh xét chọn, lập danh sách đề nghị khen thưởng; Bộ Nội vụ tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này.

Điều 8. Danh hiệu xã, phường, đặc khu tiêu biểu

Danh hiệu xã, phường, đặc khu tiêu biểu được xét tặng hằng năm cho xã, phường, đặc khu tiêu biểu dẫn đầu phong trào thi đua cấp tỉnh và đạt các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 29 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Mục 2
ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG
QUÁ TRÌNH CÔNG HIẾN VÀ KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH CAO

Điều 9. Quy định chung về khen thưởng quá trình công hiến

1. Thời gian tham gia công tác để xét khen thưởng quá trình công hiến quy định như sau:

a) Cán bộ tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945 là những người tham gia cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương hoặc được kết nạp lại trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

b) Cán bộ tiền khởi nghĩa là người tham gia cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

c) Cán bộ hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ là người có thời gian tham gia công tác liên tục từ sau ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

d) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp là người có thời gian tham gia công tác liên tục trong thời gian từ sau ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954;

đ) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ là người tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

e) Người hoạt động liên tục ở chiến trường miền Nam là người hoạt động liên tục ít nhất 10 năm ở chiến trường miền Nam, Lào, Campuchia. Trường hợp hoạt động liên tục ở chiến trường từ trước năm 1960 thì thời gian hoạt động liên tục tính đến tháng 01 năm 1973. Trường hợp vào chiến trường từ năm 1964 thì thời gian hoạt động liên tục tính đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

g) Cán bộ công tác trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là người tham gia công tác từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

2. Thời gian, chức vụ xét khen thưởng:

a) Bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng quá trình công hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn khi có thông báo nghỉ chế độ hưu trí hoặc có quyết định nghỉ hưu mà chưa được khen thưởng quá trình công hiến (kể cả các trường hợp đã hy sinh, tử trận). Đối với cá nhân khi hết tuổi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn thì được xét khen thưởng quá trình công hiến khi thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Trường hợp cá nhân đã được khen thưởng quá trình công hiến, sau đó tiếp tục công tác và có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được khen thưởng quá trình công hiến thì được tiếp tục xét, khen thưởng quá trình công hiến đối với thời gian công tác, giữ chức vụ của giai đoạn công tác sau này và được đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác theo quy định nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn;

b) Cá nhân có thời gian giữ chức vụ nhưng không đủ thời gian để được khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để tính tiêu chuẩn khen thưởng theo chức vụ thấp hơn liền kề (nếu chức vụ thấp hơn liền kề thuộc tiêu chuẩn khen thưởng quá trình công hiến);

c) Cá nhân trong cùng một thời gian đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau thì lấy chức vụ cao nhất để làm căn cứ áp dụng tiêu chuẩn khen thưởng;

d) Cá nhân thực hiện yêu cầu luân chuyển, điều động hoặc do sắp xếp tổ chức được cấp có thẩm quyền quyết định giữ chức vụ thấp hơn trước khi luân chuyển, điều động, sắp xếp tổ chức, khi xem xét khen thưởng được tính đến thời điểm hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời gian bổ nhiệm của chức vụ trước khi luân chuyển, điều động, sắp xếp tổ chức và được tính thời gian liên tục theo chức vụ đó để làm căn cứ xét khen thưởng;

đ) Những trường hợp đã được khen thưởng quá trình công hiến, không thực hiện điều chỉnh khen thưởng theo quy định mới về chức danh tương đương. Những trường hợp chưa được khen thưởng quá trình công hiến, đối chiếu với quy định nếu đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì đề nghị xét khen thưởng quá trình công hiến.

3. Không khen thưởng đối với cá nhân bị kỷ luật hoặc có vi phạm, khuyết điểm nghiêm trọng được cấp có thẩm quyền kết luận bằng văn bản trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng khen thưởng quá trình công hiến.

Điều 10. Quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình công hiến

1. Chức danh Bộ trưởng và tương đương: Ủy viên Trung ương Đảng chính thức (Ủy viên Trung ương dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được xác định vị trí thứ bậc và hưởng các chế độ, chính sách theo chức vụ đang công tác); Trưởng ban, cơ quan đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng Thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Trưởng Ban Công tác đại biểu, Trưởng Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội); Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ

nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán nhà nước; Trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc trung ương; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam; Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

2. Chức danh Thứ trưởng và tương đương: Phó trưởng ban, cơ quan đảng ở trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Thứ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán nhà nước; Phó trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Bí thư thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Trợ lý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư; Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Chức danh Tổng cục trưởng và tương đương: Tổng cục trưởng, Phó Trưởng Ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam; Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy viên Thường trực các Ủy ban của Quốc hội; Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân dân; Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các Ban Chỉ đạo ở Trung ương; Ban Chỉ đạo do Thủ tướng, Phó Thủ tướng làm Trưởng Ban Chỉ đạo; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; Tổng Biên tập Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Giám đốc Truyền hình Quốc hội; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Phó Chánh Văn phòng Ban cán sự đảng Chính phủ, Phó Chánh Văn phòng Đảng đoàn Quốc hội; Phó bí thư chuyên trách công tác đảng ở các Đảng ủy: Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

4. Chức danh Phó Tổng cục trưởng và tương đương: Phó Tổng cục trưởng; Phó Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Ủy viên chuyên trách Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; Ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc trung ương; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch Ủy ban giám sát tài chính quốc gia; Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội không có đảng đoàn); Phó Tổng Biên tập Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Phó Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Phó Giám đốc Truyền hình Quốc hội; Phó Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Giám đốc học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

5. Chức danh Vụ trưởng và tương đương: Vụ trưởng, Cục trưởng, Viện trưởng, Trưởng ban và tương đương thuộc ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Ủy viên Hội đồng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Tổng Thư ký Liên hiệp Hội ở trung ương; Thư ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp

cao của Đảng, Nhà nước; Vụ trưởng, Trưởng các cơ quan, đơn vị và tương đương của các cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng bộ khối trực thuộc trung ương; Vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Trưởng cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Phó Giám đốc các học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Vụ trưởng, Cục trưởng, Trưởng cơ quan, đơn vị và tương đương thuộc tổng cục và tương đương tổng cục; Giám đốc sở, Trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp tỉnh; Bí thư quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy; Phó Tổng thư ký liên hiệp hội ở trung ương; Trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Phó Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội không có đảng đoàn) và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

6. Chức danh Phó Vụ trưởng và tương đương: Phó Vụ trưởng, Phó Cục trưởng, Phó Viện trưởng, Phó Trưởng ban và tương đương thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Phó Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố; Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và tương đương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương; Phó Vụ trưởng, phó trưởng các cơ quan, đơn vị và tương đương của các cơ quan thuộc Chính phủ; Phó Giám đốc sở, Phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương ở cấp tỉnh; Phó Bí thư quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; Phó Vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Phó trưởng các cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Vụ trưởng, Phó trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tổng cục và tương đương tổng cục; Phó trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng có đảng đoàn do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Trưởng các hội cấp tỉnh được giao biên chế và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ.

7. Chức danh tương đương huyện ủy viên trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 gồm: Trưởng ban, ngành cấp huyện; Huyện đội phó; Phó Bí thư, Phó chủ tịch các đoàn thể cấp tỉnh; Ủy viên ban của tỉnh, Ủy viên tỉnh đội, Ủy viên an ninh của tỉnh.

8. Chức danh tương đương trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thực hiện theo kết luận của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Điều 11. “Huân chương Sao vàng”

“Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 của Luật Thi đua, khen thưởng, có nhiều công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Bí thư Trung ương Cục, Thường vụ Xứ ủy, Bí thư Khu ủy, Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Có quá trình tham gia liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân trước ngày 30 tháng 4 năm 1975.

4. Có quá trình công tác liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội, 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm.

Điều 12. “Huân chương Hồ Chí Minh”

“Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Thi đua, khen thưởng, có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương hoặc được phong quân hàm Trung tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Xứ ủy viên, Khu ủy viên, Bộ trưởng hoặc chức vụ tương đương hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Có quá trình tham gia liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc chức vụ tương đương 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

4. Có quá trình công tác liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Tổng Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội, 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm.

Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội liên tục 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 10 năm trở lên.

Điều 13. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất

“Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc trong lực lượng vũ trang nhân dân và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương; Trung tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Bộ trưởng hoặc chức vụ tương đương; Khu ủy viên, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm; Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm. Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân.

Bộ trưởng và tương đương từ 13 năm trở lên; Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 10 năm trở lên.

Điều 14. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì

“Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc trong lực lượng vũ trang nhân dân và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm.

2. Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Bộ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm.

Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm.

3. Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bộ trưởng và tương đương từ 02 nhiệm kỳ từ 08 đến 10 năm; Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 05 năm trở lên; Thứ trưởng và tương đương từ 13 năm trở lên.

Điều 15. “Huân chương Độc lập” hạng Ba

“Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc trong lực lượng vũ trang nhân dân và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Cục trưởng, Vụ trưởng, Tỉnh ủy viên, Thành ủy viên, Trưởng ban, ngành cấp tỉnh hoặc chức vụ tương đương.

2. Được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa và đã giữ một trong các chức vụ: Cục trưởng, Vụ trưởng, Tỉnh ủy viên, Thành ủy viên, Trưởng ban, ngành cấp tỉnh hoặc chức vụ tương đương hoặc người hoạt động liên tục ít nhất 10 năm ở chiến trường miền Nam, đã đảm nhiệm chức vụ Huyện ủy viên hoặc chức vụ tương đương trước ngày 30 tháng 4 năm 1975.

3. Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương 01 nhiệm kỳ từ 03 đến 05 năm.

4. Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bộ trưởng và tương đương 01 nhiệm kỳ, từ 03 đến 05 năm; Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân; Thứ trưởng và tương đương 02 nhiệm kỳ, từ 08 đến 10 năm.

Điều 16. “Huân chương Quân công” hạng Nhất

“Huân chương Quân công” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị hoặc chức danh tương đương; Đại tướng, Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 05 năm trở lên.

Điều 17. “Huân chương Quân công” hạng Nhì

“Huân chương Quân công” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Tổng tham mưu trưởng, Phó Chủ nhiệm Tổng

cục Chính trị, Tư lệnh Quân khu hoặc chức danh tương đương từ 05 năm trở lên; Cục trưởng và tương đương là Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương từ 05 năm trở lên.

Điều 18. “Huân chương Quân công” hạng Ba

“Huân chương Quân công” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tư lệnh Binh chủng hoặc chức danh tương đương từ 05 năm trở lên; Cục trưởng và tương đương trực thuộc Bộ Công an (trừ các Cục trưởng và tương đương là Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương), Giám đốc Công an thành phố Hà Nội, Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh từ 05 năm trở lên.

Điều 19. “Huân chương Lao động” hạng Nhất

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 42 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng, Phó Trưởng ban, ngành cấp tỉnh hoặc chức vụ tương đương;

b) Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Phó Trưởng ban của Đảng ở trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ 10 năm trở lên;

c) Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Bộ trưởng và tương đương;

Thứ trưởng và tương đương từ 05 năm trở lên;

Tổng cục trưởng và tương đương từ 08 năm trở lên;

Phó Tổng cục trưởng và tương đương từ 10 năm trở lên;

Vụ trưởng và tương đương từ 15 năm trở lên.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ hoặc lĩnh vực khác, đạt được thành tích giải Nhất thế giới hoặc Huy chương Vàng của thế giới.

Điều 20. “Huân chương Lao động” hạng Nhì

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 43 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ 06 năm đến dưới 10 năm.

Giám đốc sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương từ 10 năm trở lên;

b) Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Thứ trưởng và tương đương từ 03 đến dưới 05 năm;

Tổng cục trưởng và tương đương từ 05 năm trở lên;

Phó Tổng cục trưởng và tương đương từ 08 năm đến dưới 10 năm;

Vụ trưởng và tương đương từ 10 năm đến dưới 15 năm;

Phó Vụ trưởng và tương đương từ 15 năm trở lên.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ hoặc lĩnh vực khác, đạt được thành tích Huy chương Bạc thế giới hoặc tương đương, Huy chương Vàng cấp châu lục hoặc tương đương.

Điều 21. “Huân chương Lao động” hạng Ba

1. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 44 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình cống hiến lâu dài trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 05 năm.

Giám đốc sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương từ 06 năm đến dưới 10 năm;

b) Tham gia hoạt động liên tục trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Tổng cục trưởng và tương đương từ 03 năm đến dưới 05 năm;

Phó Tổng cục trưởng và tương đương từ 05 năm đến dưới 08 năm;

Vụ trưởng và tương đương từ 06 năm đến dưới 10 năm;

Phó Vụ trưởng và tương đương từ 10 năm đến dưới 15 năm.

2. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ hoặc lĩnh vực khác, đạt được thành tích Huy chương Đồng thể giới hoặc tương đương, Huy chương Bạc cấp châu lục hoặc tương đương.

Điều 22. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất

“Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 45 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Tư lệnh Binh chủng, Sư đoàn trưởng, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc chức danh tương đương từ 10 năm trở lên.

Điều 23. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì

“Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 35 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Sư đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Phó Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc chức danh tương đương từ 10 năm trở lên.

Điều 24. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba

“Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 47 của Luật Thi đua, khen thưởng, có quá trình công tác từ 30 năm trở lên trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trung đoàn trưởng, Phó trung đoàn hoặc chức danh tương đương từ 10 năm trở lên.

Mục 3

HUÂN CHƯƠNG ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, HUÂN CHƯƠNG HỮU NGHỊ; BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 25. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”

1. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Đã đảm nhiệm 01 trong các chức vụ: Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dưới từ 05 năm đến dưới 10 năm, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 10 năm trở lên hoặc có ít nhất 15 năm liên tục đảm nhiệm chức vụ cấp trưởng của các tổ chức thành viên trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp tỉnh trở lên.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này nếu đã được tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại theo quy định tại Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18; 22, 23, 24; khoản 1 các Điều 19, 20, 21 của Nghị định này thì không xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”.

Điều 26. “Huân chương Hữu nghị”

1. Tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Hữu nghị” được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng khen thưởng gồm:

- a) Cơ quan, tổ chức thuộc Nhà nước, Chính phủ nước ngoài tương đương cấp bộ, tỉnh, thành phố;
- b) Tổ chức nước ngoài mà Việt Nam là thành viên hoặc có quan hệ đối tác;
- c) Hội Hữu nghị với Việt Nam của các nước;
- d) Hội Hữu nghị với Việt Nam cấp tỉnh, bang, thành phố của các nước có quan hệ đối tác đặc biệt, đối tác chiến lược hoặc đối tác toàn diện với Việt Nam;
- đ) Cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam;
- e) Văn phòng, Cơ quan đại diện thường trú của các tổ chức quốc tế, tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam;
- g) Tổ chức phi chính phủ nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam;
- h) Tổ chức nước ngoài khác không thuộc các đối tượng trên nhưng có thành tích đặc biệt xuất sắc và đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thi đua, khen thưởng được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị;
- i) Cá nhân nước ngoài là người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này có thời gian đảm nhiệm chức vụ từ 05 năm liên tục trở lên hoặc có thời gian công tác tại Việt Nam ít nhất một nhiệm kỳ 03 năm;
- k) Trưởng các Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam của các nước có quan hệ đối tác đặc biệt, đối tác chiến lược hoặc đối tác toàn diện với Việt Nam có thời gian công tác tại Việt Nam ít nhất một nhiệm kỳ 03 năm;
- l) Cá nhân nước ngoài đã được tặng “Huy chương Hữu nghị” và 05 năm tiếp theo tiếp tục có những đóng góp tích cực vào việc xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp và toàn diện với Việt Nam;
- m) Cá nhân nước ngoài không thuộc các đối tượng trên đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 53 của Luật Thi đua, khen thưởng được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.

Điều 27. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

1. Tiêu chuẩn “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 73 của Luật Thi đua, khen thưởng thực hiện như sau: Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

2. Tiêu chuẩn “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 73 của Luật Thi đua, khen thưởng thực hiện như sau: Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã và giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

Chương IV

TRAO TẶNG, ĐÓN NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 28. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng được công bố, trao tặng và đón nhận theo quy định tại Nghị định này gồm:

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Quân công”, “Huân chương Lao động”, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc”, “Huân chương Chiến công”, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”, “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: “Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

c) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;

d) Huy chương: “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”, “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”, “Huy chương Hữu nghị”, “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”;

đ) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”;

e) “Cờ thi đua của Chính phủ”;

g) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bộ, ban, ngành, tỉnh; danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 29. Yêu cầu của việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải mang ý nghĩa tôn vinh tập thể và cá nhân, giáo dục truyền thống yêu nước, lý tưởng cách mạng; gắn với các phong trào thi đua yêu nước và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương và đất nước; bảo đảm an toàn, trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức.

2. Thực hiện nếp sống văn minh, bảo tồn giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc trong lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

3. Không tổ chức riêng lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Chỉ được tổ chức kết hợp trong lễ kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống của bộ, ban, ngành, địa phương, đơn vị, hội nghị tổng kết theo chương trình cụ thể và thực hiện đúng quy định tại Nghị định này (trừ trường hợp trao tặng hình thức khen thưởng đối với thành tích xuất sắc đột xuất, khen thưởng thành tích kháng chiến và danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”).

4. Đại diện lãnh đạo tập thể, hộ gia đình được khen thưởng trực tiếp đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tập thể, hộ gia đình. Cá nhân được khen thưởng trực tiếp đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Trường hợp truy tặng, đại diện gia đình của người được truy tặng nhận thay.

5. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng từ thứ bậc cao đến thứ bậc thấp. Trường hợp cùng một hình thức khen thưởng thì trao tặng cho tập thể, hộ gia đình trước, cá nhân sau; trao tặng trước, truy tặng sau. Trường hợp danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do cùng một cấp quyết định khen thưởng thì trao tặng danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; trao tặng cho tập thể trước, hộ gia đình, cá nhân sau; trao tặng trước, truy tặng sau.

6. Trong khi công bố, trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, người không có trách nhiệm không tặng hoa, quay phim, chụp ảnh trên lễ đài. Không tổ chức diễu hành hoặc đón rước danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được trao tặng.

Điều 30. Nghi thức công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Người điều hành buổi lễ là đại diện lãnh đạo của bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị tổ chức buổi lễ. Đơn vị chủ trì lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải xây dựng kịch bản lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Công bố quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Đại diện lãnh đạo của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng hoặc của đơn vị tổ chức buổi lễ công bố toàn văn quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

b) Công bố Quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước: Trước khi công bố, người công bố mời Đội cờ truyền thống (nếu có), đại diện cấp ủy, lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (hoặc đại diện các thể hệ lãnh đạo của tập thể được khen thưởng) hoặc cá nhân được khen thưởng lên lễ đài để nghe công bố quyết định khen thưởng;

c) Công bố Quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Công bố xong, người công bố mời đại diện lãnh đạo của tập thể hoặc cá nhân có tên trong quyết định khen thưởng lên lễ đài để đón nhận danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng.

3. Trao danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Người trao danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là người có thẩm quyền quyết định khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc người được người có thẩm quyền quyết định khen thưởng ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đại diện các lãnh đạo cấp trên tham dự buổi lễ; người trao đứng ở vị trí trung tâm của lễ đài;

b) Trao theo thứ tự: Gắn Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu) trước; sau đó trao Bằng và trao Cờ Anh hùng (đối với tập thể được đón nhận danh hiệu Anh hùng);

c) Đối với tập thể có Cờ truyền thống: Người trao gắn Huân chương (hoặc Huy hiệu kèm theo danh hiệu) lên góc cao mặt phải Cờ truyền thống. Vị trí gắn Huân chương (hoặc Huy hiệu kèm theo danh hiệu) trên Cờ truyền thống được thực hiện theo thứ hạng từ cao xuống thấp;

Đối với tập thể không có Cờ truyền thống: Người trao trao Bằng đã gắn sẵn Huân chương (hoặc Huy hiệu kèm theo danh hiệu);

d) Trao tặng cho cá nhân: Người trao gắn Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu) lên phía trái ngực áo người đón nhận, sau đó trao Bằng;

đ) Truy tặng: Người trao trao Bằng đã gắn sẵn Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu) cho đại diện gia đình cá nhân được truy tặng;

e) Việc trao danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong một số trường hợp đặc biệt như cá nhân là người cao tuổi sức khỏe yếu, người khuyết tật hoặc quyết định khen thưởng cho nhiều đối tượng, cơ quan chủ trì lễ trao tặng xin ý kiến của người có thẩm quyền trao tặng hoặc được ủy quyền trao tặng hoặc đại diện lãnh đạo cấp trên tham dự buổi lễ quyết định.

4. Đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Đón nhận các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: Người đón nhận khen thưởng đứng nghiêm theo hàng ngang tại vị trí trung tâm trên lễ đài nghe công bố quyết định khen thưởng;

b) Đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Người đón nhận khen thưởng được mời lên vị trí trung tâm của lễ đài để đón nhận;

c) Khi đón nhận Bằng (hoặc Cờ), người đón nhận khen thưởng nâng Bằng hoặc Cờ cao ngang ngực, giữ nguyên tư thế cho đến khi rời khỏi lễ đài;

d) Trong trường hợp cần thiết, đại diện tập thể (hoặc cá nhân, hộ gia đình) được khen thưởng phát biểu ý kiến sau khi đón nhận khen thưởng.

5. Người phục vụ nghi thức trao:

a) Không quay lưng về phía người dự; đứng phía sau, bên phải (tay thuận) người trao khi đưa Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu, Bằng, Cờ) cho người trao;

b) Đặt Huân chương (hoặc Huy chương, Huy hiệu kèm theo danh hiệu, Bằng) trong khay phủ vải đỏ; Bằng phải được lồng trong khung; bung khay, đưa Huân chương, Bằng, Cờ bằng hai tay cho người trao.

Điều 31. Trao tặng các hình thức khen thưởng cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam

Việc tổ chức trao tặng các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Nghị định này và các quy định sau:

1. Tổ chức trao tặng ở trong nước do cơ quan trình khen thưởng chủ trì thực hiện.

2. Tổ chức trao tặng ở ngoài nước do người đứng đầu Đại sứ quán hoặc người đứng đầu Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền trao tặng chủ trì thực hiện theo đề nghị bằng văn

bản của cơ quan trình khen thưởng. Cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm chuyển quyết định, hiện vật khen thưởng và phối hợp với Đại sứ quán hoặc Cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để tổ chức trao tặng đảm bảo trang trọng và phù hợp với điều kiện thực tế.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC; CÔNG KHAI CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU “ĐƠN VỊ QUYẾT THẮNG”, “TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC”

Điều 32. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hoặc ủy quyền quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” trong Quân đội nhân dân.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc ủy quyền quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” trong Công an nhân dân.

Mục 2

HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG ĐỐI VỚI CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC; CÔNG KHAI CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 33. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng “Huân chương Sao vàng” do Bộ Chính trị xem xét, kết luận; đề nghị xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” do Ban Bí thư xem xét, kết luận.

Đối với cá nhân thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (kể cả cán bộ đã nghỉ hưu, từ trần) công tác ở các cơ quan, đoàn thể trung ương hoặc địa phương, căn cứ hồ sơ đảng viên (hoặc hồ sơ quản lý cán bộ nếu không là đảng viên) về quá trình công tác và thành tích đạt được, cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thành ủy hoặc Vụ (phòng, ban) Tổ chức cán bộ của Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, báo cáo cấp ủy xem xét, xác nhận quá trình công tác, các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có); trên cơ sở đó, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, lãnh đạo các ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ:

a) Khen thưởng đối với cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (các hạng), “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương, Giám đốc đại học Quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đánh giá thành tích, xác nhận thành tích, thủ tục và nội dung hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Hồ sơ, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Cá nhân đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của đơn vị đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Khi họp xét danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua Chính phủ”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải tiến hành bỏ phiếu.

Đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng danh hiệu “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

Kết quả và tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng theo quy định phải được thể hiện trong Biên bản bình xét thi đua, Biên bản xét khen thưởng.

6. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập, quy định tổ chức và hoạt động. Thành phần Hội đồng các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua hoặc đề nghị các hình thức khen thưởng cho cá nhân theo tiêu chuẩn có sáng kiến hoặc công trình khoa học và công nghệ. Việc công nhận được thể hiện bằng Quyết định hoặc văn bản xác nhận. Văn bản xác nhận theo Mẫu số 13 của Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có quy định mới về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, cá nhân là tác giả, đồng tác giả của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được sử dụng kết quả để đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua hoặc hình thức khen thưởng theo quy định căn cứ vào khả năng, quy mô, hiệu quả áp dụng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

7. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính từ thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian đề nghị khen thưởng lần sau được tính từ thời điểm ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Đối với cá nhân, thời gian có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị khen thưởng là thời gian tính từ khi được khen thưởng lần trước đến thời điểm đề nghị khen thưởng (của lần tiếp theo) phải liên tục được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đối với tập thể, trong thời gian từ khi được khen thưởng lần trước đến thời điểm đề nghị khen thưởng (của lần tiếp theo) phải có liên tục từ 05 năm trở lên, 10 năm trở lên, 15 năm trở lên, 25 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” hoặc lập được thành tích xuất sắc hoặc đặc biệt xuất sắc; các năm còn lại phải được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

8. Đối với cá nhân (ngư dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế, khuyết tật), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác; cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

9. Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng theo quy định và thể hiện theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Nội dung thành tích trong báo cáo của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước tính đến thời điểm bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ trước 06 tháng (trừ khen thưởng thành tích kháng chiến), quá thời hạn trên, Bộ Nội vụ không nhận hồ sơ trình khen thưởng.

10. Hồ sơ đề nghị tặng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” trình Thủ tướng Chính phủ gửi qua Bộ Nội vụ. Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị khen thưởng. Trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ Nội vụ ủy quyền cho Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương ký một số văn bản có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

11. Tờ trình của bộ, ban, ngành, tỉnh, Tờ trình của Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình phải có các nội dung sau:

- a) Căn cứ pháp lý;
- b) Nội dung, hình thức, thành tích đề nghị khen thưởng;
- c) Ý kiến của cơ quan, địa phương liên quan về nội dung xin ý kiến đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng;
- d) Ý kiến thẩm định của bộ, ban, ngành, tỉnh, ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ về các trường hợp đề nghị khen thưởng đã đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định;

Các nội dung chi tiết của Tờ trình đề nghị khen thưởng thực hiện theo Mẫu số 01 của Phụ lục kèm theo Nghị định này.

12. Khi trình Thủ tướng Chính phủ thì bộ, ban, ngành, tỉnh gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file pdf của hồ sơ khen thưởng, file word của Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, ban, ngành, tỉnh) đến Bộ Nội vụ qua phần mềm “Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành của Bộ Nội vụ”, trừ nội dung bí mật nhà nước. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Bộ Nội vụ nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

Bộ Nội vụ gửi Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và hồ sơ khen thưởng dưới dạng tệp tin điện tử (file pdf của hồ sơ khen thưởng; file pdf Tờ trình của Bộ Nội vụ kèm theo danh sách; file pdf và file word của các dự thảo văn bản trình Thủ tướng Chính phủ ký) đến Văn phòng Chính phủ.

13. Bộ Nội vụ tiếp nhận hồ sơ và thẩm định trên cơ sở các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ đề nghị khen thưởng do bộ, ban, ngành, tỉnh lập gồm: Hồ sơ, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 34. Quy định về lấy ý kiến để khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của cấp có thẩm quyền do bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng thực hiện theo quy định từ khoản 2 đến khoản 4 Điều này.

2. Khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trung ương có tư cách pháp nhân thuộc cấp quản lý trực tiếp của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương đóng trên địa bàn địa phương, phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung:

a) Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tổ chức đảng, đoàn thể sinh hoạt tại địa phương);

b) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh);

c) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải lấy ý kiến để khen thưởng: “Cờ thi đua của Chính phủ”, huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

3. Khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị cùng cấp, phải lấy ý kiến của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung:

a) Kết quả tham mưu thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với tập thể); kết quả lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với cá nhân) trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng;

b) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải lấy ý kiến đề khen thưởng: “Cờ thi đua của Chính phủ”, huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

4. Khen thưởng đối ngoại phải xin ý kiến của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao.

5. Bộ Nội vụ thực hiện việc xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban của Đảng ở trung ương (quản lý về lĩnh vực) về việc khen thưởng đối với cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; xin ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ để khen thưởng đối với tập thể là bộ, ban, ngành, tỉnh (trừ khen thưởng theo cụm, khối thi đua; khen thưởng thành tích thi đua hàng năm, chuyên đề); xin ý kiến Bộ Công an về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để khen thưởng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân là người đại diện pháp luật của tổ chức kinh tế.

6. Khi nhận được văn bản xin ý kiến về việc khen thưởng của bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc Bộ Nội vụ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời gian quy định. Thủ trưởng cơ quan được xin ý kiến khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời văn bản và nội dung được xin ý kiến.

Trường hợp Bộ Nội vụ xin ý kiến mà cơ quan chức năng không cho ý kiến thì Bộ Nội vụ trình khen thưởng theo quy định.

7. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến thống nhất hoặc đồng ý của cơ quan chức năng, Bộ Nội vụ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 35. Quy định thời gian nhận hồ sơ, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

1. Thời gian Bộ Nội vụ nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng như sau:

a) Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 của năm liền kề với năm có quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với hệ thống giáo dục quốc dân có thời điểm đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân theo năm học, hồ sơ trình chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.